

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **10/2024/HNGĐ-ST**
Ngày 29/3/2024
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB-TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyện.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Kiều Công Ích;
2/ Ông Phùng Văn Thị.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Xuân Q**, sinh năm 1990.

Địa chỉ : Khu 3, xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ;
Hiện đang ở tại: 8A/A6 TVL, BN, Quận 1, thành phố HCM.

(Anh Q có mặt, chị N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh **Phạm Xuân Q** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Xuân Q** và chị **Trần Thị N** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/10/2013, tại UBND xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Khi đó vợ chồng làm nghề may tại thành phố HCM. Sau khi kết hôn anh Q và chị N chung sống với nhau tại thành phố HCM đến tháng

9/2015, vợ chồng anh chị chuyển ra sống cùng với bố mẹ chị tại xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 5 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, không chung quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị N.

Về con chung: Anh Q xác định anh và chị N có 02 con chung là cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 11/4/2013 và Phạm Khánh L, sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Q. Nay ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung; về cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Q xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

** Bị đơn là chị Trần Thị N quá trình giải quyết vụ án vắng mặt tại Tòa án và Tòa án đã ra Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố HCM và Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Trần Thị N trình bày có quan điểm như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Phạm Xuân Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 25/10/2013, tại UBND xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Khi đó vợ chồng làm nghề may tại thành phố HCM. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại thành phố HCM đến tháng 9/2015, vợ chồng chị chuyển ra sống cùng với bố mẹ anh Q tại xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 5 năm thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống. Hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2017 đến nay. Nay chị xác định hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị N xác định chị và anh Q có 02 con chung là cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 11/4/2013 và Phạm Khánh L, sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Q. Nay ly hôn, chị N nhất trí với yêu cầu của anh Q được trực tiếp nuôi cả 02 con chung; về cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác: Chị Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng do công việc bận nên chị xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ, tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký được thực hiện theo quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân Q;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị N .

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con như sau: Anh Phạm Xuân Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 11/4/2013 và Phạm Khánh L, sinh ngày 29/01/2016 (Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Q). Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh Q và chị N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Q tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là anh Phạm Xuân Q và bị đơn là chị Trần Thị N đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 3, xã KX, huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn là anh Phạm Xuân Q có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Xét thấy, bị đơn là chị Trần Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị N là hoàn toàn phù hợp khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn ngày 25/10/2013, tại UBND xã KX, huyện TB, do vậy hôn nhân giữa anh Q và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị N thấy rằng: Anh Q và chị N đều thừa nhận, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan

điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với chị N; Phía chị N cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của anh Q. Xét, yêu cầu xin được ly hôn của anh Q, chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật. Vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Q và chị N là phù hợp với quy định Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh Q và chị N đều xác định anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Khánh D, sinh ngày 11/4/2013 và Phạm Khánh L, sinh ngày 29/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Q. Nay ly hôn anh Q và chị N đều thống nhất, thoả thuận: Anh Q là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản xác minh của Toà án, xác định hiện nay 02 con chung đang được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, điều chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung được đảm bảo và các con chung có nguyện vọng được ở với anh Q. Xét thấy, việc thoả thuận thống nhất về việc nuôi con chung của hai bên là tự nguyện và hoàn toàn phù hợp với thực tế, vì vậy cần được chấp nhận sự thoả thuận về việc nuôi con của hai bên là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh Q và chị N đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Q xin nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (cả phần của chị N) theo quy định của pháp luật, xét là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 4, Điều 207, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Xuân Q;

[1]. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Xuân Q và chị Trần Thị N.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận của anh Q và chị N về việc nuôi con chung sau ly hôn như sau: Anh Phạm Xuân Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu: Phạm Khánh D, sinh ngày 11/4/2013 và Phạm Khánh L, sinh ngày 29/01/2016. (Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Q).

Việc cấp dưỡng nuôi con: Anh Q và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác: Anh Q và chị N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phạm Xuân Q xin tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); Xác nhận anh Q đã nộp tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); Theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001804 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho anh Q 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã KX;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến

